

Ngày	64,800 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	13.7%	57.1%	50.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	26,295 - 64,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,864
Số lượng CPLH (CP)	44,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,043,165
Sở hữu nước ngoài	3.7%
Beta	1.61
EPS	4,370
P/E	14.8

DT thuần

Q1/24

351

tỷ VNĐ

QoQ: ▼80.0| -18.5%

YoY: ▼41.0| -10.4%

LN trước thuế

Q1/24

62.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.70| -7.1%

YoY: ▼26.8| -30.1%

LN sau thuế

Q1/24

49.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.40| -6.4%

YoY: ▼21.2| -29.9%

ROA

2023

12.2%

+/- YoY: ▼ 10.2%

DT thuần

2023

1,588

tỷ VNĐ

YoY: ▼516| -24.5%

LN trước thuế

2023

289

tỷ VNĐ

YoY: ▼222| -43.4%

LN sau thuế

2023

231

tỷ VNĐ

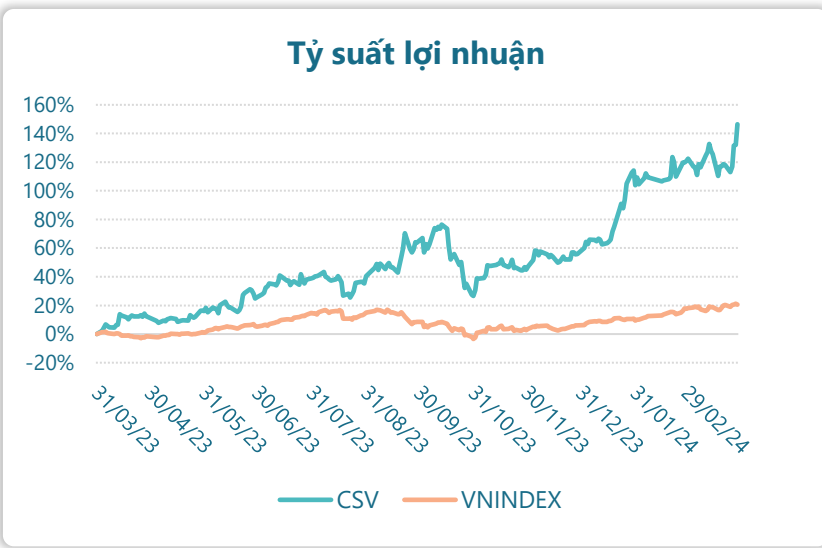
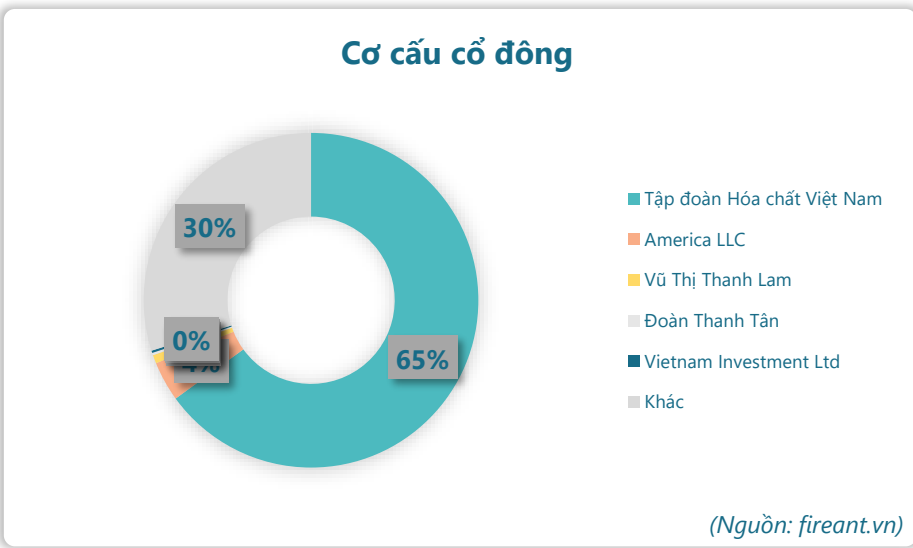
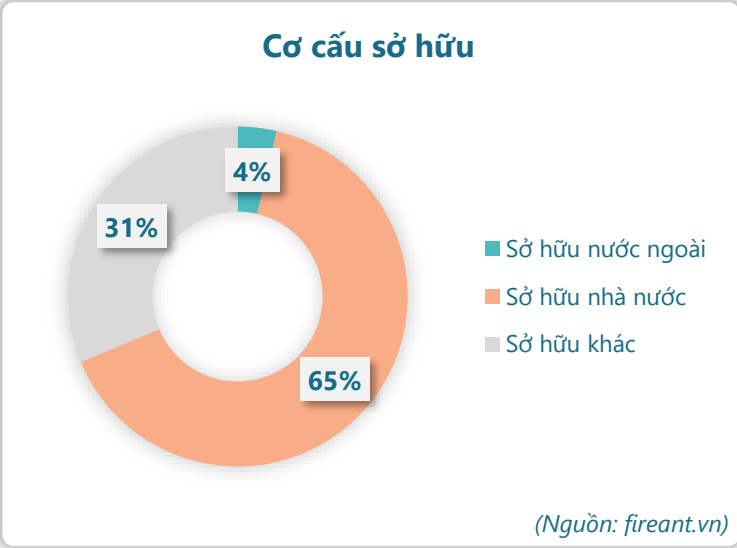
YoY: ▼177| -43.5%

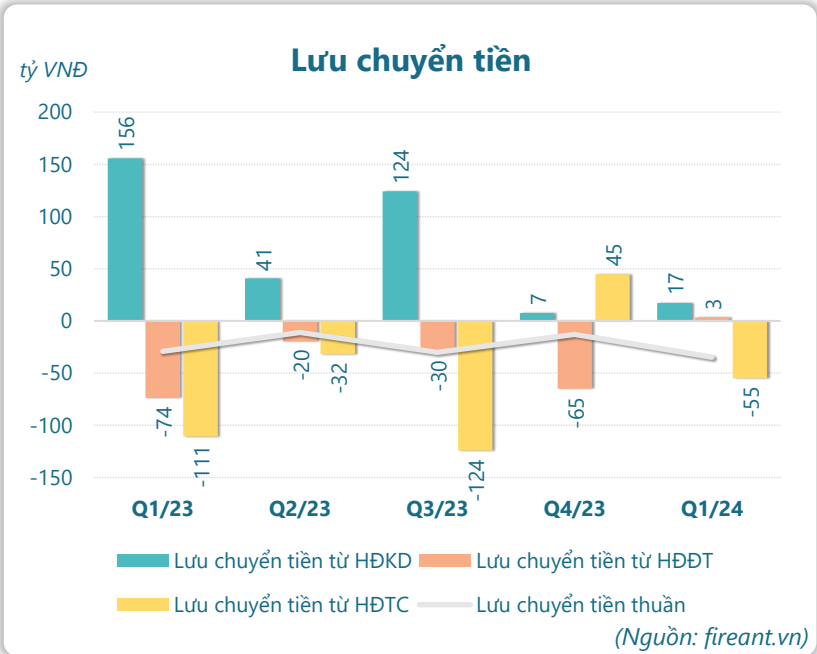
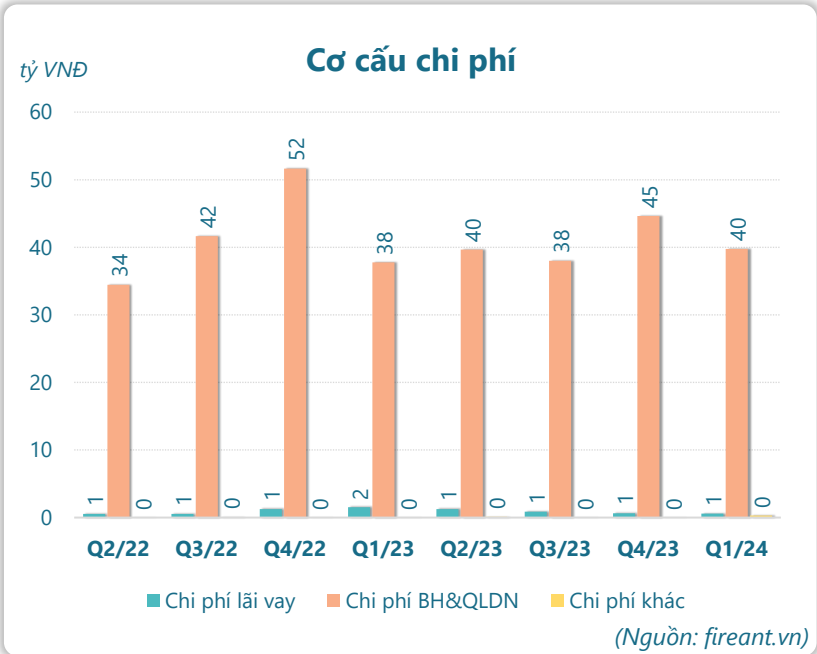
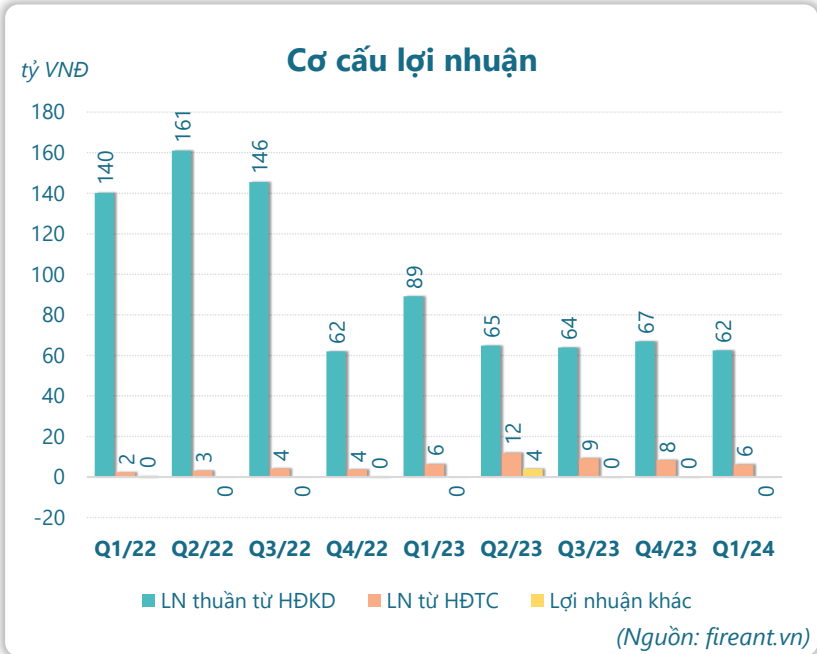
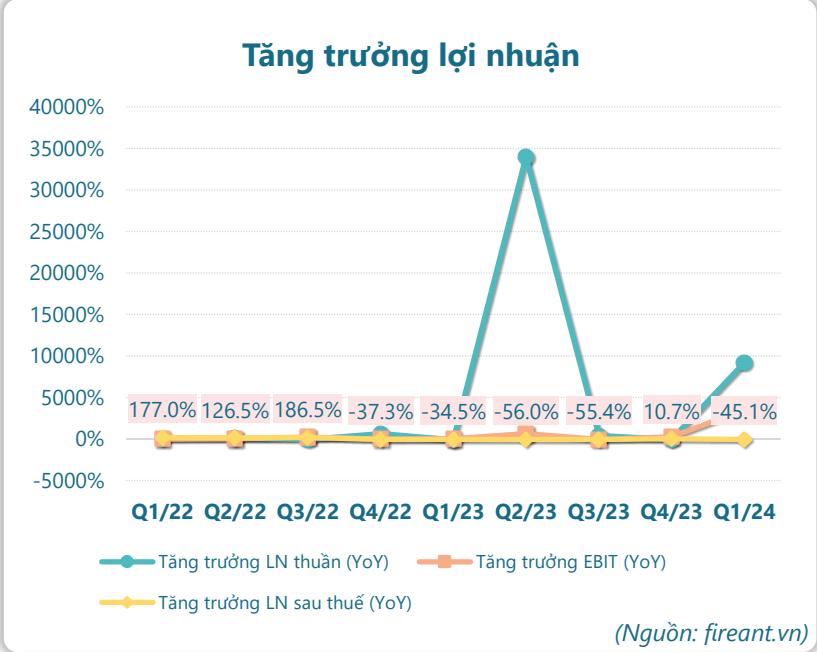
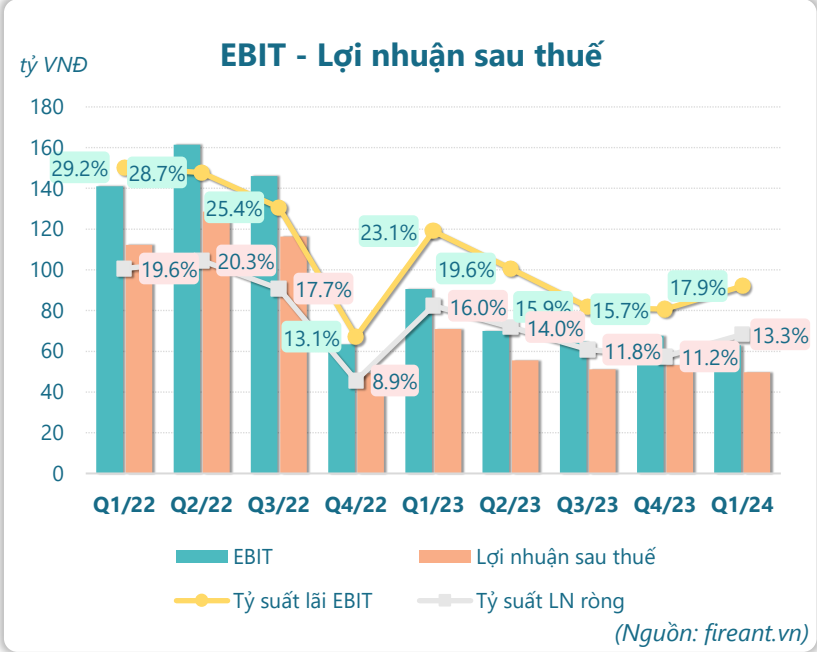
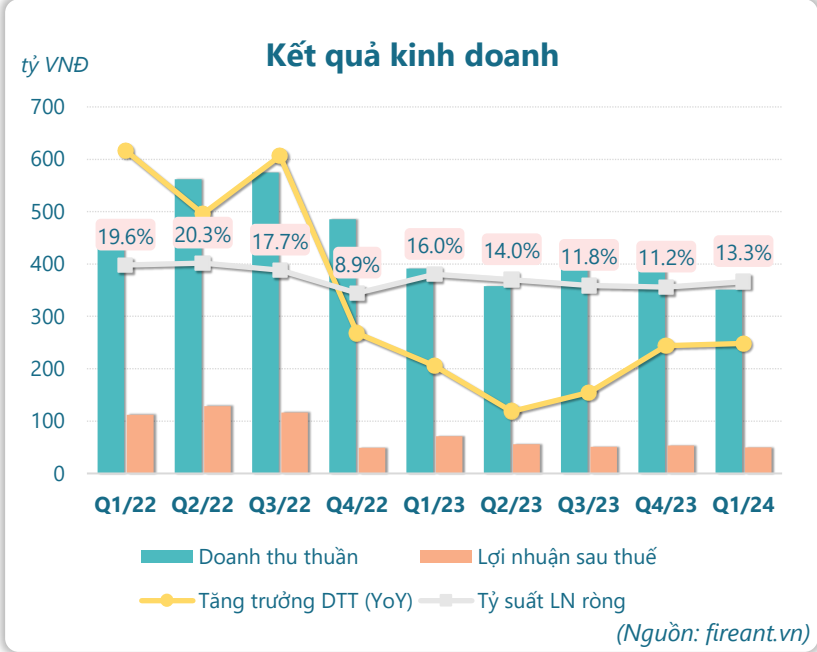
ROE

2023

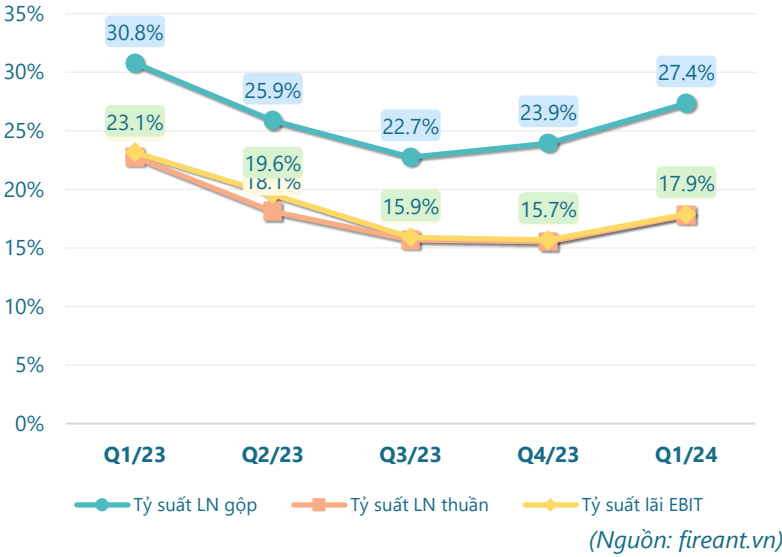
14.6%

+/- YoY: ▼ 12.8%

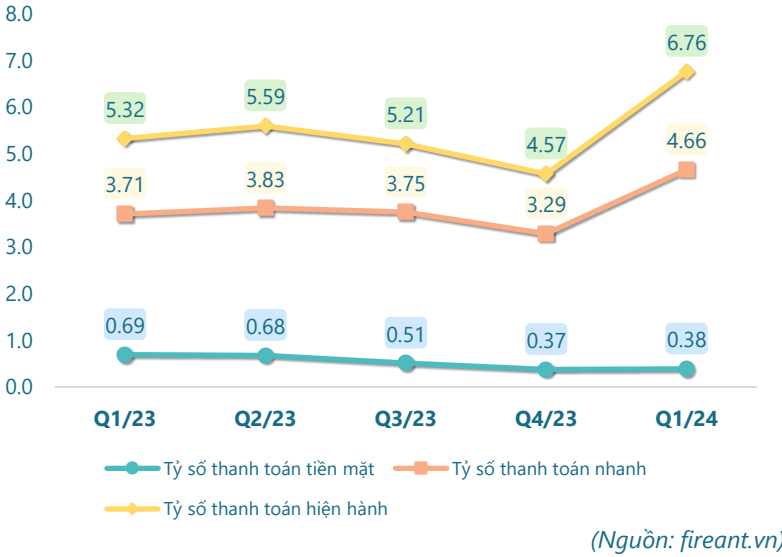




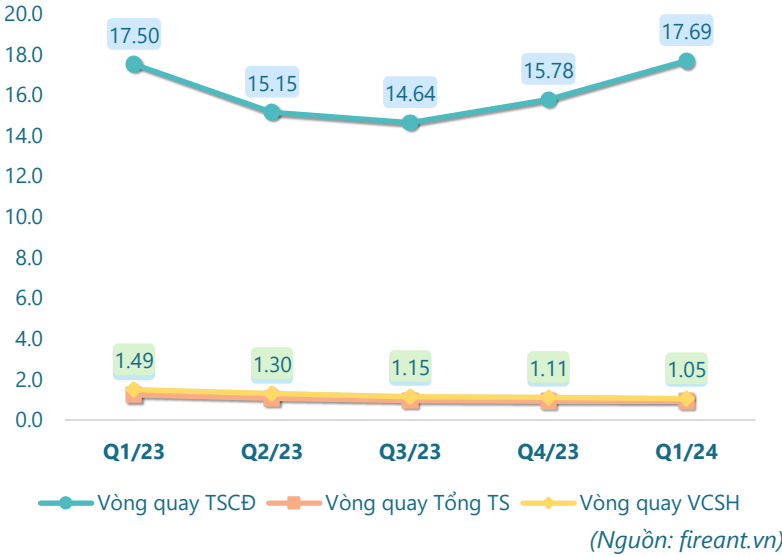
Tỷ suất lợi nhuận



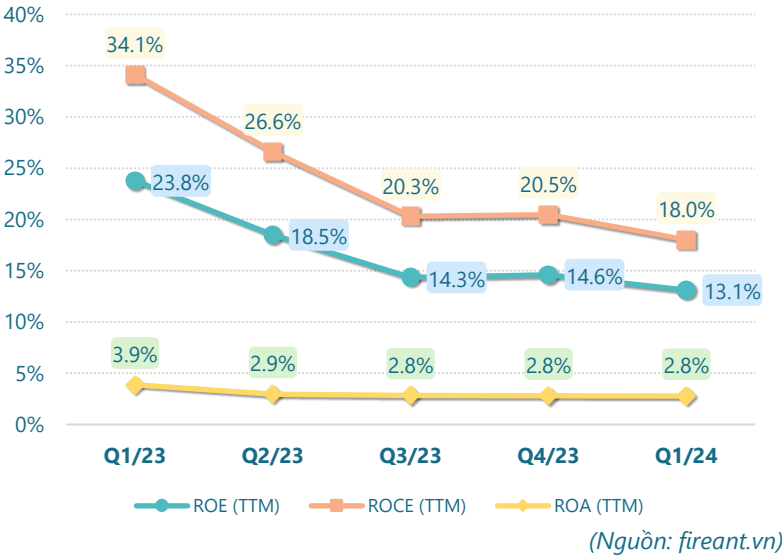
Chỉ số thanh khoản



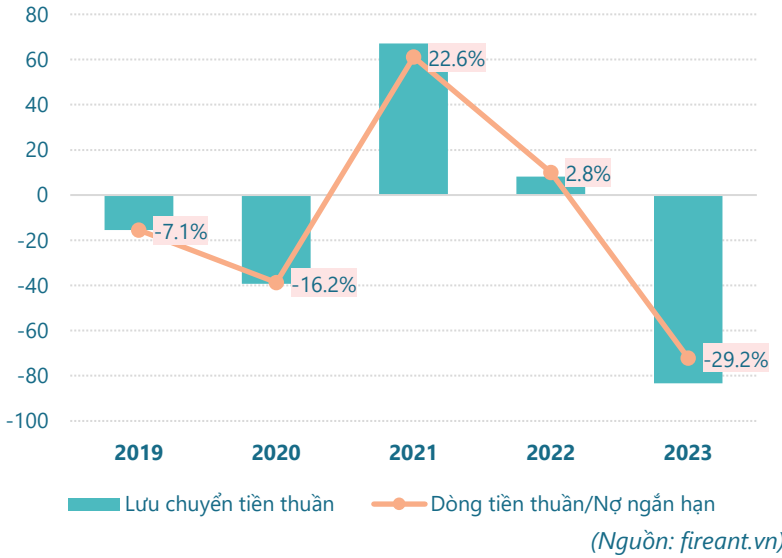
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

